

LẠI BÀN VỀ CHIẾU CẦN VƯƠNG VÀ BẢN DỤ CẦN VƯƠNG DUY NHẤT TRONG CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN

NGUYỄN THU HOÀI*

Cách đây nhiều năm dư luận đã nhiều lần quan tâm về câu chuyện Dụ Cần vương (có lúc gọi là Chiếu Cần vương), bởi lẽ có đến 3 văn bản đã được công bố tạm gọi là Dụ Cần vương thứ nhất, thứ hai và thứ ba (1). Dụ (hay Chiếu) Cần vương đã được giới nghiên cứu bàn luận trong nhiều thập kỷ, trong đó vấn đề được đặt ra nhiều nhất là tính xác thực của văn bản. Cho đến nay hầu như chưa có cứ liệu nào đủ sức thuyết phục để khẳng định chắc chắn bản Dụ nào là hoàn toàn xác thực, bởi nguồn gốc các văn bản này đều khá mơ hồ. Dù vậy hầu hết các nhà nghiên cứu cho rằng bản Dụ Cần vương thứ nhất ban hành ngày 2 tháng 6 niên hiệu Hàm Nghi thứ nhất (1885) là chân thực, các bản Dụ ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu (1885) và ngày 6 tháng 6 năm Kỷ Sửu (1889) là bản ngụy tạo. Bài viết này không có ý định đi sâu phân tích tính thực hư của ba bản Dụ Cần vương đã công bố, vì bản thân tác giả chưa có điều kiện tiếp cận trực tiếp với 3 văn bản nêu trên. Bài viết đặt lại vấn đề Dụ Cần vương trên cơ sở công bố một bản Dụ duy nhất có niên hiệu Hàm Nghi nằm trong khối tài liệu Châu bản triều Nguyễn (2), từ đó đối chiếu làm rõ hơn phần nào vấn đề văn bản học của các bản Dụ đã công bố.

1. Bối cảnh ra đời của Dụ Cần vương

Sau khi vua Kiến Phúc mất, ngày 12 tháng 6 năm Giáp Thân (1884) vua Hàm Nghi chính thức lên ngôi kế vị tại điện Thái Hòa trong bối cảnh triều chính vô cùng rối ren. Chỉ trong vòng một năm từ tháng 6 năm Quý Mùi (1883) đến tháng 6 năm Giáp Thân (1884) đã có đến 3 vua lên ngôi rồi bị phế, bị giết hoặc chết đầy bí ẩn. Cũng giống như 3 vị vua trước là Dục Đức (làm vua 3 ngày), Hiệp Hòa (4 tháng 10 ngày), Kiến Phúc (8 tháng), Hàm Nghi lên ngôi theo sự sắp đặt của Hội đồng Phụ chính và thực chất không có quyền lực.

Ngay sau tiếng súng xâm lược đầu tiên của liên quân Pháp-Tây Ban Nha bắn vào cửa Đà Nẵng tháng 8 năm 1858 cán cân chính trị tại An Nam đã nghiêng hẳn về phía Pháp. Liên tiếp các Hòa ước bất bình đẳng được người Pháp ép buộc triều đình Huế ký kết. Năm 1862 với Hòa ước Nhâm Tuất toàn bộ vùng đất 3 tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và đảo Côn Lôn đã thuộc về chủ quyền của Pháp. Năm 1874 Hòa ước Giáp Tuất đã buộc triều đình nhà Nguyễn chấp nhận mất toàn bộ Nam Kỳ. Tuy nhiên không dừng ở đó, ngay sau khi vua Tự Đức mất, lợi dụng lúc triều đình nhà Nguyễn còn đang lúng túng trong việc

*ThS. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I

chọn người kế vị và nội bộ mâu thuẫn lục đục, quân Pháp bất ngờ đánh chiếm cửa biển Thuận An của ngõ vào Kinh đô Huế, sau đó buộc triều đình Huế ký bản Hòa ước ngày 25 tháng 8 năm Quý Mùi (còn gọi là Hiệp ước Harmand) thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp trên toàn cõi, ngoài ra người Pháp có quyền đặt các Tòa Công sứ tại các tỉnh Bắc Kỳ và xứ thuộc địa Nam Kỳ được mở rộng tới Bình Thuận. Năm 1884 với Hòa ước Patenôtre một lần nữa người Pháp khẳng định quyền bảo hộ trên mọi phương diện tại An Nam.

Sau Hòa ước Patenôtre (1884), triều đình Huế vốn đã chia rẽ nay càng phân hóa mạnh mẽ thành hai phe chủ hòa và chủ chiến. Đứng đầu phe chủ chiến là Tôn Thất Thuyết, một Phụ chính đại thần của triều đình. Ông đã ngầm ngầm xây dựng cơ sở Sơn phòng tại Quảng Trị để chuẩn bị cho kháng chiến. Đêm 22 rạng sáng ngày 23 tháng 5 năm Ất Dậu (mồng 4 tháng 7 năm 1885), lợi dụng việc Khâm sứ Trung Kỳ Champeaux mở tiệc nghênh tiếp Toàn quyền De Courcy đến thăm Huế, Tôn Thất Thuyết ra lệnh tấn công Tòa Khâm sứ quyết một phen sống chết với quân Pháp. Tuy nhiên cuộc tấn công ngay lập tức thất bại và bị quân Pháp tấn công trở lại, Kinh thành Huế chìm trong lửa máu. Trong bối cảnh đó, Tôn Thất Thuyết đành phải đưa vua Hàm Nghi rời Kinh thành chạy ra căn cứ Quảng Trị. Tại đây Tôn Thất Thuyết thay mặt nhà vua ban Dụ Cần vương, kêu gọi quan lại, binh lính, nhân dân đồng lòng phò vua chống Pháp.

2. Về bản Dụ Cần vương duy nhất trong Châu bản triều Nguyễn

Sử nhà Nguyễn không ghi chép chi tiết nội dung các bản Dụ Cần vương cũng như chính xác có bao nhiêu lần xuống Dụ. *Đại Nam thực lục* có lược ý tương đối chi tiết về

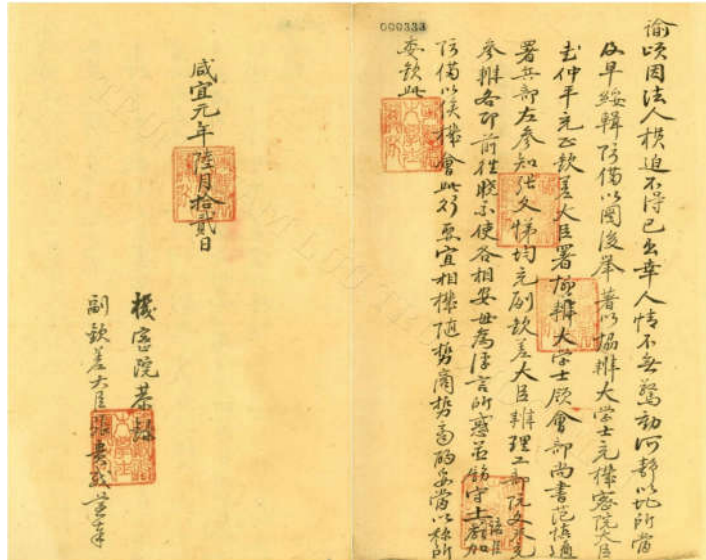
hai bản Dụ, trong đó một bản được cho là do Tôn Thất Thuyết gửi Nguyễn Văn Tường và một bản gửi cho những người trong dòng dõi tông thất. Tuy nhiên, Dụ Cần vương chính thức như các văn bản đã công bố đều không thấy ghi chép.

Khảo cứu khối Châu bản triều Nguyễn hiện đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I chúng tôi chỉ tìm thấy duy nhất một bản Dụ đề ngày 12 tháng 6 năm Hàm Nghi nguyên niên (1885). Bản Dụ nằm trong tập văn bản của địa phương gửi về Kinh đô có thời gian từ tháng 6 đến tháng 10 niên hiệu Hàm Nghi thứ nhất (1885). Nội dung của tập văn bản chủ yếu là các bản Tấu, Tư trình của Tuần phủ Trị Bình, Sơn phòng sứ Quảng Trị, Bố Chánh sứ Hà Tĩnh và một số tờ Bẩm của dân địa phương gửi về triều đình báo cáo tình hình hoạt động của Tôn Thất Thuyết và xa giá của vua Hàm Nghi tại Quảng Trị và Hà Tĩnh.

Bản Dụ gồm 2 trang, chữ viết ngay ngắn kiểu chữ chân đá thảo, văn phong ngắn gọn, súc tích, mang tính chất truyền mệnh lệnh, đóng dấu đầy đủ phù hợp với thể thức một văn bản hành chính. Nội dung cụ thể như sau:

Dụ rằng: Gần đây do người Pháp bức bách, (Trẫm) bất đắc dĩ phải rời Kinh khiến nhân tình không tránh khỏi kinh động. Các tỉnh từ Hà Tĩnh trở ra Bắc cần sớm phòng bị cho yên để lo việc sau này. Truyền cho lấy Hiệp biện Đại học sĩ sung Cơ Mật viên Đại thần Vũ Trọng Bình sung làm Chánh Khâm sai đại thần; Thự Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Thượng thư Bộ Hộ Phạm Thận Duật, Thự Tả Tham tri Bộ Binh Trương Văn Để đều sung làm Phó Khâm sai Đại thần; Biện lý Bộ Công Nguyễn Văn Thái sung làm Tham biện, lập tức đến các nơi hiểu dụ để các tướng được yên, không được nói năng thiếu căn cứ làm mê hoặc lòng

Ảnh 1: Bản Dụ Cần vương duy nhất trong Châu bản triều Nguyễn ngày 12 tháng 6 năm Hàm Nghi nguyên niên (1885)



Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I/Châu bản triều Nguyễn

người. Các người cố gắng phòng bị đợi cơ hội, việc này cần phải tùy thời thế giải quyết cho thỏa đáng để xứng với sự ủy thác. Khâm thủ!

Về thể thức văn bản, tờ Dụ ghi rõ “Hàm Nghi nguyên niên lục nguyệt thập nhị nhật” tức ngày 12 tháng 6 năm Hàm Nghi thứ nhất (1885) rất đúng với cách ghi niên hiệu trong các văn bản hành chính triều Nguyễn. Tại cuối văn bản ghi “Cơ Mật viện cung lục” trường hợp này là giao cho Cơ Mật viện Đại thần Nguyễn Trọng Bình cung kính sao chép, “Phó Khâm sai đại thần Trương quý chức tuân phụng”, tức giao cho Trương Văn Để tuân mệnh thực hiện. Điều đặc biệt, văn bản được đóng liên tiếp 6 hình dấu của cùng một con dấu ghi rõ “Võ Hiển điện Đại học sĩ quan phòng”, được bố trí thành 3 hàng dọc. Trong đó 3 hình dấu đóng trên phần nội dung tại các vị trí quan trọng ghi tên họ, chức vụ của các viên được giao trách nhiệm, 1 hình dấu đóng ở cuối phần nội dung. Đây là cách đóng dấu rất phù hợp với thể thức văn bản

hành chính trong Châu bản triều Nguyễn để tránh việc tẩy chữa, thêm bớt tại những chỗ quan trọng. Tại phần niên đại một hình dấu được đóng lên vị trí ghi ngày tháng và một hình dấu đóng lên vị trí ghi tên người chịu trách nhiệm soạn thảo ban hành văn bản, cũng rất đúng thể thức.

Về con dấu, đây là quan phòng chức danh của Tôn Thất Thuyết, tại thời điểm đó ông đang giữ quan hàm Võ Hiển điện Đại học sĩ

lãnh Thượng thư Bộ Binh. Xét về quy cách sử dụng con dấu, theo quy định “các chỉ dụ, tấu chương, sổ sách thì dùng ấn Ngự tiền chi bảo” (3), có nghĩa rằng trường hợp này bản Dụ phải được đóng ấn “Ngự tiền chi bảo” của Hoàng đế nhưng ở đây dùng ấn quan phòng của Tôn Thất Thuyết là không hợp thức. Trên thực tế, sau khi cuộc tấn công Tòa Khâm sứ thất bại, Tôn Thất Thuyết vội xin nhà vua xuất hành, “trong lúc gấp gáp chỉ kịp mang theo ấn Ngự tiền chi bảo, Văn lý mật sát và 2 quả ấn kiềm” (4), như vậy không phải do điều kiện kháng chiến nên không có đầy đủ kim bảo của nhà vua để đóng lên văn bản cho hợp thức. Có lẽ đây là ý đồ có chủ đích của Tôn Thất Thuyết, trong trường hợp này ông thay mặt nhà vua ban Dụ trên danh nghĩa một đại thần, kiêm người đứng đầu Bộ Binh để truyền mệnh lệnh và giao nhiệm vụ cho quan binh với vai trò thủ lĩnh của cuộc kháng chiến.

Về nội dung, bản Dụ này vừa mang tính chất một “Lệnh dụ” truyền mệnh lệnh cho

quan viên đi làm nhiệm vụ, vừa mang tính chất một “Hiếu dụ” kêu gọi võ yên binh tướng các nơi tránh xao động, bình tĩnh chuẩn bị tốt lực lượng chờ cơ hội đánh giặc.

Qua xem xét nội dung và hình thức của văn bản cũng như đối chiếu với ghi chép của *Đại Nam thực lục* có thể khẳng định đây là văn bản gốc, xác thực, không phải bản ngụy tạo. Ngoài ra cũng có thể khẳng định đây là bản Dụ do Tôn Thất Thuyết thay mặt nhà vua ban hành. Xét về bối cảnh là hợp lý bởi mặc dù vua Hàm Nghi là danh nghĩa chính thức nhưng Tôn Thất Thuyết mới thực chất giữ vai trò thủ lĩnh của phong trào Cần vương. Về niên đại Hàm Nghi trên bản Dụ cũng phù hợp vì thời điểm đó vua Hàm Nghi đã xuất奔 nhưng triều đình vẫn giữ niên hiệu Hàm Nghi cho đến tháng 10 mới chuyển sang niên hiệu Đồng Khánh (5).

3. Về ba bản Dụ Cần vương đã công bố

Như đã nói ở trên, cho đến nay đã có 3 bản Dụ Cần vương được công bố, cụ thể:

- *Dụ Cần vương thứ nhất* ghi niên hiệu ngày 2 tháng 6 năm Hàm Nghi thứ nhất (1885) chưa rõ phát hiện lần đầu tiên khi nào, toàn văn bản chữ Hán. Dụ này đã được trang Từ điển Bách khoa toàn thư mở Wikipedia công bố. Bản Dụ gồm 24 dòng chữ Hán, văn bản không đóng dấu, nội dung nói về việc giặc Tây bực bách triều đình khiến vua quan phải dụng binh, dân tình phải kinh động. Việc thất thủ kinh đô khiến nhà vua cảm thấy xấu hổ, kêu gọi quan binh kẻ sĩ không rời bỏ vua mà đồng lòng bày mưu hiến sức để mong thu lại giang sơn.

Cho đến nay hầu hết các nhà nghiên cứu nhận định đây là bản Dụ Cần vương chính thức được tuyên bố tại Tân Sở, Quảng Trị và là bản xác thực (6).

- *Dụ Cần vương thứ hai* ghi niên hiệu ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu (1885) được

công bố trong cuốn "Lào và chế độ bảo hộ thuộc Pháp" (Le Laos et le protectorat français) của Gosselin (7) xuất bản tại Paris (Pháp) năm 1900. Bản Dụ này được cho là phát đi từ Hà Tĩnh ngày 19-9-1885 dương lịch. Rất tiếc tại cuốn sách này Gosselin không công bố nguyên bản chữ Hán mà chỉ đưa ra bản dịch tiếng Pháp trong phần phụ lục với nhan đề “Bản tuyên cáo phát đi từ An Nam nhân danh vua Hàm Nghi sau khi rời khỏi Huế” (Proclamation lancée en Annam au nom du Roi Ham Nghi, après son départ de Huế) (8). Nội dung văn bản khá dài, thuật lại tỉ mỉ nước ta từ khi ký Hòa ước để mất 3 tỉnh Nam Kỳ, cho đến sự kiện thất thủ Kinh đô và quá trình 2 tháng nhà vua bôn tẩu. Đặc biệt bản Dụ chỉ trích nặng nề việc Nguyễn Văn Tường tội phản nghịch vua, hiệp đồng với Pháp khiến cho cuộc tấn công bị thất bại và kêu gọi nhân dân cảnh giác không nghe theo lệnh của Tường, cùng đồng lòng hướng về nhà vua tìm mưu giết giặc.

Tuy nhiên cho đến nay đa phần các nghiên cứu đều cho rằng đây là bản ngụy tạo. Nhiều điểm đáng ngờ của văn bản này đã được chỉ ra như một số sự kiện nêu trong bản dụ không khớp với chính sử, thể thức hành văn không phù hợp với một văn bản dạng Chiếu Dụ của Hoàng đế (9). Ngoài ra bản Dụ chỉ được công bố một lần duy nhất trong cuốn *Le Laos et le protectorat français* mà không hề được nhắc đến trong bất cứ tài liệu nào khác. Thậm chí bản thân Gosselin trong cuốn *Hoàng đế An Nam (L'Empire d'Annam)* ấn hành sau đó 4 năm (1904) đề cập rất nhiều đến vua Hàm Nghi và sự kiện 1885 cũng không nhắc đến bản Dụ này.

- *Chiếu Cần vương thứ ba* ghi niên hiệu ngày 6 tháng 6 năm Hàm Nghi thứ 5 (1889) được công bố lần đầu do TS. Võ Quang Yến, thành viên của *Hội Pháp* -

những người bạn Viễn Đông đăng trên *Huế Xưa Nay*, số 15, tháng 2 năm 1996 với nhan đề “*Một bức chiếu chỉ Cần vương*”. Văn bản này được tìm thấy tại bảo tàng gia đình ông Thierry d'Argenlieu, một cựu Linh mục, nguyên Cao ủy Pháp ở Đông Dương, bức Chiếu do Giáo sư Léon Vandermeersch phát hiện và dịch ra tiếng Pháp. Bức Chiếu được mô tả chi tiết về hình thức gồm bề

Pháp, ngoài ra hàm ý kêu gọi sĩ phu nhân dân Nam kỳ xuất của cải để giúp nhà vua phục quốc. Điều đặc biệt bản Chiếu nói rõ việc vua Hàm Nghi đã sang nước Đức để cầu viện giúp đỡ và được nước ấy chấp thuận.

Ngay sau khi công bố, bản Chiếu Cần vương này đã vấp phải sự phản ứng khá quyết liệt của giới nghiên cứu. Hầu hết đều khẳng định đây là “văn bản giả mạo”. Sự

việc sau đó đã lắng xuống và chỉ được khơi lại khi một bài viết của Thái Lộc với nhan đề *Tìm thấy nguyên bản Chiếu Cần vương* đăng trên Tuổi trẻ cuối tuần số ra ngày 11-5-2008. Ngay lập tức nhiều chuyên gia nghiên cứu về triều Nguyễn đã đăng đàn chỉ ra những sai sót không thể chấp nhận của văn bản này. Các nhà nghiên cứu gồm Phan Thuận An, Chương Thâu, Hà Văn Thịnh, Nguyễn Quang Trung Tiến, Trần Xuân An đều đồng loạt chỉ ra những lỗi cơ bản nằm ngay trong thể

Ảnh 2: Chiếu Cần vương thứ ba ghi niên hiệu ngày 6 tháng 6 năm Hàm Nghi thứ 5 (1889)



Nguồn: Thư viện quốc gia Pháp (gallica.bnf.fr)

ngang 70cm, cao 57cm; các con dấu (ấn triện) gồm có: 1 ấn lớn hình chữ nhật gần vuông, ngang 115mm, cao 110mm; 9 triện nhỏ 18x18mm đóng trên từng phần nội dung và 9 triện tròn đường kính 43mm đóng dưới triện nhỏ. ấn lớn ghi chữ “Hàm Nghi bảo ấn”, triện nhỏ hình vuông ghi chữ “Hoàng Đế”, triện tròn ghi chữ “Phúc Minh chi ấn”. Văn bản được trang trí xung quanh diềm bằng 2 đôi rồng 4 móng và một số họa tiết khác như quạt, sách, quả bầu. Vẫn như các văn bản trước, bản Chiếu kể tội quân

thức và nội dung của bản Chiếu này.

+ Về thể thức một văn bản Hán Nôm nói chung và Chiếu Dụ nói riêng, con dấu và lạc khoản thường nằm ở cuối văn bản tức ở bên trái của tờ giấy, với lý do văn bản Hán Nôm đọc từ phải sang trái, nhưng ở đây thể thức văn bản được sắp xếp ngược hoàn toàn.

+ Về con dấu, ấn lớn đóng trên bản Chiếu đề “Hàm Nghi bảo ấn”, xét các quy định về ấn triện dưới triều Nguyễn chưa từng có con dấu ghi niên hiệu nhà vua, càng không thể có con dấu đề “Phúc Minh

chi ấn”, bởi lẽ Phúc Minh là tên húy của vua Hàm Nghi theo quy định là điều cấm kỵ.

+ Về hình thức trang trí một bản chiếu như vậy cũng hoàn toàn không hợp thức. Theo mô tả, văn bản trang trí hình rồng 4 móng trong khi quy định đối với các vua nhà Nguyễn phải là rồng 5 móng và thường trên các bản Chiếu Sắc không trang trí các họa tiết kiểu như quạt, sách hay quả bầu.

+ Về thời gian, bản chiếu ghi năm Hàm Nghi thứ 5 (tức năm 1889) cũng hoàn toàn không hợp lý, bởi lẽ vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt từ cuối tháng 9 năm Mậu Tý (1888), cho đến lúc ban chiếu này nhà vua đã bị đưa đi lưu đày khoảng 7 tháng, vì vậy gần như không thể có chuyện sang Đại Đức cầu viện rồi về Quảng Đông như bản Dụ đã nêu. Hơn nữa thời điểm đó người Việt hầu như chưa biết đến nước Đức, vua Hàm Nghi lúc đó mới 17 tuổi chưa từng xuất ngoại và cũng không thể có bất cứ mối quan hệ nào với chính quyền nước Đức.

+ Về giả thuyết cho rằng văn bản này có thể do Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa nhà vua để ban chiếu cũng không phù hợp, bởi Tôn Thất Thuyết là một đại thần đã làm quan nhiều năm trong triều đình không thể ngây thơ không có chút kiến thức nào về thể thức văn bản hành chính đến như vậy.

Nhận định chung của các nhà nghiên cứu thì đây là một văn bản được ngụy tạo khá vụng về, thậm chí thời gian văn bản có thể ra đời khá muộn sau này, như nhà nghiên cứu Phan Thuận An khẳng định thì “hiện vật này có quá nhiều điểm bất thường” (10).

4. Nhận xét

Như đã nói ở đầu bài viết, chúng tôi sẽ không bàn luận sâu vấn đề văn bản học của 3 bản Dụ (Chiếu) đã công bố, bởi lẽ chưa có đủ căn cứ để khẳng định tính xác thực của chúng. Tuy nhiên trên cơ sở những thông tin đã công bố có thể tạm đưa ra một vài nhận xét như sau:

Về nội dung: cả 3 bản Dụ (Chiếu) Cần vương đều có một điểm nhất quán đó là vạch tội quân Pháp xâm lược, kêu gọi sĩ phu, nhân dân đồng lòng phò vua giúp nước chống lại sự đô hộ của thực dân Pháp. Điều này là phù hợp với bối cảnh lịch sử tại Việt Nam lúc đó. Tuy nhiên tại mỗi văn bản đều có một số chi tiết mâu thuẫn với chính sử hoặc không phù hợp trong lối hành văn dạng Chiếu, Dụ. Đặc biệt bản Chiếu Cần vương thứ 3 cho rằng vua Hàm Nghi đã sang nước Đức cầu viện sự giúp đỡ là khó thuyết phục.

Về thể thức: Trừ bản dụ thứ 2 không có bản gốc chữ Hán, hai bản Dụ (Chiếu) còn lại đã công bố nguyên bản chữ Hán nhưng đều không phù hợp với thể thức một văn bản hành chính chuẩn mực. Bản Dụ Cần vương thứ nhất mặc dù hầu hết các nhà nghiên cứu đều cho là xác thực, xét về cách thức hành văn cũng khá phù hợp, tuy nhiên văn bản không có bất cứ hình dấu nào theo nguyên tắc là không hợp thức với một văn bản hành chính, nhất là văn bản có tính pháp quy dạng mệnh lệnh. Bản Chiếu Cần vương năm 1889 thậm chí còn sai hoàn toàn thể thức từ cách sắp xếp chữ Hán đến con dấu hay họa tiết trang trí.

Về tính pháp lý: Dụ hay Chiếu là loại văn bản mang tính quy phạm chỉ có nhà vua được ban hành, vì vậy dù có giao cho tổ chức hay cá nhân nào thay mặt nhà vua soạn thảo thì cũng đòi hỏi sự chặt chẽ về pháp lý. Trường hợp này Tôn Thất Thuyết thay mặt nhà vua ban Dụ là có thể chấp nhận trong điều kiện chiến tranh và nhà vua còn quá trẻ, dù vậy vẫn phải tuân thủ văn ngôn và thể thức của Chiếu, Dụ.

Về bản Dụ duy nhất nằm trong tập Châu bản triều Hàm Nghi, có thể xác định đây là văn bản gốc, có đầy đủ con dấu, phù hợp với thể thức văn bản hành chính của triều Nguyễn. Khác với nội dung 3 văn bản đã công bố trình bày khá dài dòng, bản Dụ

này nội dung ngắn gọn súc tích, ngôn từ dứt khoát, thực chất như một tờ lệnh bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cho các “Khâm sai đại thần” tức các vị trí quan trọng do nhà vua đặc phái đại diện cho triều đình đi thực thi chức trách. Bản Dụ cũng nói rõ nguyên nhân nhà vua phải xuất quân, đồng thời hiểu dụ tướng lĩnh tại các địa phương yên lòng tránh xao động chuẩn bị tốt lực

lượng chờ cơ hội đánh giặc. Với những nội dung và hình thức như vậy, văn bản này có thể coi như một bản “Dụ Cần vương” chính thức, góp thêm một tư liệu quan trọng khẳng định quyết tâm kháng chiến của vua Hàm Nghi và các thủ lĩnh phong trào Cần vương. Văn bản cũng đồng thời làm phong phú thêm nguồn tư liệu còn đang khá thiếu hụt cho việc nghiên cứu giai đoạn lịch sử này.

CHÚ THÍCH

(1). Hiện nay có 3 bản Dụ (Chiếu) Cần vương đã được công bố: bản Dụ Cần vương thứ nhất ghi niên hiệu ngày 2 tháng 6 năm Hàm Nghi thứ nhất (1885); Dụ Cần vương thứ hai ghi niên hiệu ngày 11 tháng 8 năm Ất Dậu (1885); Chiếu Cần vương thứ ba ghi niên hiệu ngày 6 tháng 6 năm Hàm Nghi thứ 5 (1889).

(2). Châu bản triều Nguyễn là khối tài liệu hành chính hình thành trong hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền triều Nguyễn từ 1802 đến 1945, có bút tích phê duyệt trực tiếp của các Hoàng đế trên từng văn bản.

(3). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ nhị kỷ, quyển 50.

(4). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, đệ ngũ kỷ, quyển 8.

(5). Từ ngày 23 tháng 5 năm Hàm Nghi thứ nhất, sau khi Kinh thành có việc, đến trước ngày mồng 10 tháng 8, Xuất đế (Hàm Nghi) đã dời ra ngoài rồi, trong triều đình và ngoài các tỉnh không biết lệ thuộc vào đâu và từ sau ngày mồng 10 tháng ấy đến cuối tháng 9, vua Cảnh tông Thuận hoàng đế ta (Đồng Khánh) dẫu đã nối ngôi vua mà tuyên bố bảo Dụ, nhưng trong nước còn chưa biết, niên hiệu vẫn chép là Hàm Nghi. Vả phương Nam phương Bắc đều vâng Dụ vua Hàm Nghi dấy quân Cần vương, những kẻ khởi sự đều cầm nắm làm có để khởi binh. Còn từ sau ngày mồng 1 tháng 10 năm Ất Dậu [1885] là niên hiệu Đồng Khánh (*Đại Nam thực lục*).

(6). Trần Viết Ngạc, “Chiếu hay Dụ Cần vương?”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học lịch sử “Nhóm

chủ chiến triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường”, Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh, 1996; Tạp chí Xưa & Nay, số 128, 2002, tr.9-11. Nguyễn Quang Trung Tiến, *Chỉ có chiếu Cần Vương lần thứ nhất là thật*, Thể thao & Văn hoá Online, ngày 3-6-2008 (do Khang An ghi).

(7). Đại úy Charles Gosselin, một người khá có ảnh hưởng trong chính quyền thuộc địa Pháp tại Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ 19, ông là tác giả cuốn *Lào và chế độ bảo hộ thuộc Pháp (Le Laos et le protectorat français)* xuất bản tại Paris (Pháp) năm 1900 và cuốn *Hoàng đế An Nam (L'Empire d'Annam)* xuất bản năm 1904.

(8). Vũ Văn Tỉnh, *Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 140, 1971, tr.54-56.

(9). Trần Viết Ngạc, Trần Đại Vinh đều chỉ rõ sự phi lý trong thể thức hành văn và sự xuyên tạc trong nội dung bản Chiếu. Nguyễn Quang Trung Tiến cũng khẳng định đây là “văn bản giả”. Ví dụ nguyên văn bản Dụ viết “Mới đầu ta nhượng cho chúng 3 tỉnh Nam Kỳ, vào khoảng 2 năm sau còn 3 tỉnh nữa chúng lại chiếm nốt”. Trên thực tế sau Hòa ước 1862 ta mất 3 tỉnh miền Đông, 5 năm sau 1867 mới mất tiếp 3 tỉnh còn lại. Kết thúc bản Dụ viết “Những lời nói của Trẫm phải được mọi người biết đến, cả người ở xa cũng như người ở gần. Trẫm nói toàn sự thực, không giả dối chút nào”. Câu nói này không phù hợp với cách hành văn dạng mệnh lệnh của một ông vua.

(10). Thể thao & Văn hoá, số 0150, ngày 29-5-2008, tr.18.